

Số: 89/2026/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 51/2026/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: **Anh Đào Văn S**, sinh năm 1984

Số CCCD: 019084015441; Dân tộc: Kinh

Nơi cư trú: tổ dân phố B, phường P, tỉnh Thái Nguyên;

Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị N**, sinh năm 1996

Số CCCD: 019196000421; Dân tộc: Kinh

Nơi đăng ký HKTT: tổ dân phố B, phường P, tỉnh Thái Nguyên; nơi ở hiện tại: xóm M, xã N, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đào Văn S và chị Nguyễn Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Văn S và chị Nguyễn Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2) Về con chung: Anh S, chị N xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Đào Thùy A sinh ngày 17/9/2024.

Ly hôn các đương sự thống nhất thỏa thuận: Chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Thùy A cho đến khi cháu Thùy A đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh S có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3) Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4) Về án phí: Anh Đào Văn S tự nguyện chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000619 ngày 09/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Hoàn trả anh S số tiền 150.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 5 - TN;
- THADS tỉnh TN;
- UBND P. Phúc Thuận, TN;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Huyền